

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ H
TỈNH QUẢNG NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 30 - 6 - 2022

V/v: Ly hôn, nuôi con chung.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H
TỈNH QUẢNG NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Hải.

Các Hội thẩm nhân dân: bà Phạm Thị Hiền và ông Nguyễn Xuân Lập.

- Thư ký phiên tòa: ông Hoàng Sơn Tùng - Thư ký Toà án nhân dân thành phố H, tỉnh Quảng Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa: ông Bùi Văn Bằng - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân TP H, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 128/2022/TLST - HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2022 về việc Ly hôn, nuôi con chung, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 65/2022/QĐXXST - HNGĐ ngày 15 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: anh Trần Văn B - Có đơn xin xử vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn TH, xã ĐN, huyện ĐS, tỉnh TH.

- Bị đơn: chị Nguyễn Thị Th – Có đơn xin xử vắng mặt.

Địa chỉ: Tổ 5, khu 1, phường HH, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và lời khai của nguyên đơn anh Trần Văn B trình bày: tôi kết hôn với chị Nguyễn Thị Th vào năm 2018 tại UBND phường HH, TP H, trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Trong quá trình chung sống hạnh phúc đến tháng 12/2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không hợp, thường xuyên xảy ra cãi nhau, sống không hạnh phúc. Nay tôi không còn tình cảm với cô Th nữa, tôi yêu cầu được ly hôn cô Th.

Về con chung: chúng tôi có 01 con chung là cháu Trần Hải A, sinh ngày 22/11/2018, nếu ly hôn tôi đồng ý để cho cô Th được nuôi con chung và tôi sẽ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 3.000.000đ, kể từ tháng 01/2022 đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Nguyễn Thị Th có lời khai trình bày: Về điều kiện hoàn cảnh kết hôn như anh B trình bày là đúng. Mâu thuẫn vợ chồng là do bất đồng về quan điểm sống, vợ chồng không thể hòa hợp, chúng tôi cũng đã sống ly thân từ cuối năm 2021 không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay anh B xin ly hôn thì tôi đồng ý.

Về con chung: như anh B trình bày là đúng nếu ly hôn tôi đề nghị được nuôi dưỡng con chung và yêu cầu anh B phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung mỗi tháng là 3.000.000đ, kể từ tháng 01/2022 đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa có quan điểm: Về tố tụng đã đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật. Về nội dung xét thấy anh B và chị Th không thể tiếp tục chung sống, hơn nữa cả anh B và chị Th đều nhất trí ly hôn nên cho anh B và chị Th được ly hôn. Về con chung: anh B và chị Th đã thống nhất là phù hợp nên giao cho chị Th nuôi dưỡng con chung và anh B phải cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 3.000.000đ, kể từ tháng 01/2022 đến khi con chung đủ 18 tuổi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

[1] Tại phiên tòa cả anh B và chị Th đều có đơn xin xử vắng mặt và thể hiện rõ quan điểm về việc giải quyết vụ án, do đó theo quy định tại khoản 1 điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử.

[2] Về tình cảm: Trong quá trình giải quyết vụ án anh B và chị Th đều xác định không thể tiếp tục chung sống và nhất trí ly hôn. Xét lời trình bày của anh B, chị Th thì thấy rằng thực tế mâu thuẫn vợ chồng giữa anh B, chị Th đã ở mức độ trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, ngoài ra hiện nay giữa anh B, chị Th cũng đã sống ly thân từ cuối năm 2021, không còn quan tâm đến nhau nữa nên cho anh B và chị Th được ly hôn là phù hợp.

[3] Về con chung: anh B, chị Th đã thống nhất được việc nuôi con khi ly hôn, xét thấy thỏa thuận này là phù hợp nên HĐXX chấp nhận.

[4] Về tài sản chung: anh B và chị Th không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không đề cập.

[5] Về án phí: anh B phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.
Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: khoản 1 điều 28; khoản 1 điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trần Văn B.

Cho anh Trần Văn B được ly hôn chị Nguyễn Thị Th .

Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị Th được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu Trần Hải A, sinh ngày 22/11/2018 đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Anh Trần Văn B có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 3.000.000đ, kể từ tháng 01/2022 đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Anh B có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

Căn cứ: khoản 4 điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 về án phí.

Buộc anh Trần Văn B phải nộp 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm và 300.000đ tiền án phí cấp dưỡng nuôi con chung, nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí mà anh B đã nộp theo biên lai số 0000581 ngày 08/4/2022 của Chi cục thi hành án dân sự TP H.

Căn cứ điều 271, 273 – Bộ luật tố tụng dân sự.

Báo cho anh B , chị Th vắng mặt biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND TP H;
- THADS TP H;
- UBND phường HH;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Duy Hải

